

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/06/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trần Quang Cường.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 448/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *NgU đơn:* Chị Hoàng Thu U, sinh năm 1999. (Xin vắng mặt)

HKTT: Thôn 9, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 4A, ấp X, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình H, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thu U trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2019. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN. Sau khi mang thai chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Chị cũng khuyên anh H nhiều nhưng anh H không thay đổi tính cách. Chị và anh H sống ly thân từ khoảng cuối năm 2020 cho đến nay. Anh₁

H sống cùng mẹ ruột tại xã TN, còn chị đi làm ở tỉnh Đồng Nai, sinh sống cùng cha mẹ ruột. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Trần Hoàng Phương NG, sinh ngày 01/8/2020. Hiện nay con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung thành niên. Chi phí phát sinh nuôi dưỡng con chung đối với con chung bình quân một tháng khoảng 3.000.000 đồng. Cụ thể các khoản phải chi gồm tiền sữa 1.000.000 đồng, tiền ăn 1.500.000 đồng, tiền mua bỉm và các vật dụng khác về nhu cầu hàng ngày sinh hoạt hàng ngày khoảng 500.000 đồng. Anh H làm nghề hớt tóc, thu nhập bình quân một tháng khoảng 6.000.000đ; hiện nay anh H cũng phải không phải cấp dưỡng cho ai. Chị làm Công nhân, thu nhập bình quân một tháng khoảng 7.000.000 đồng. Chị sống chung với cha mẹ, cha mẹ chị đã có nhà ở nên không phải tốn tiền thuê nhà trọ, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Đình H quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa sơ thẩm và không gửi ý kiến cho Tòa án.***

**** Tại văn bản phúc đáp số 44/UBND, ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã TN phúc đáp Công văn số 67/CV-TA, ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD thể hiện:*** Anh H và chị U có đăng ký hộ khẩu thường trú và kết hôn tại địa phương. Tuy nhiên, Ủy ban không biết được trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn gia đình hay không. Do các hộ dân nêu trên không yêu cầu ban quản lý thôn hoặc Ủy ban xã tổ chức hòa giải tranh chấp khi có mâu thuẫn gia đình nên ban quản lý thôn và Ủy ban nhân dân xã cũng không tổ chức hòa giải cho các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị U: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bên tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2019; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số

11, ngày 04/3/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về tình trạng mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án chị U cho rằng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không quan tâm chăm lo cho gia đình; đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn. Phía anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng không tham gia làm việc và phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh với phía nguyên đơn. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị U và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai đương sự thể hiện chị U và anh H có 01 con chung là Trần Hoàng Phương NG, sinh ngày 01/8/2020, hiện nay chị U đang nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung thành niên.

Hội đồng xét xử thấy: Con chung của anh H và chị U hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không hợp tác và không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ yêu cầu của mình đối với phía nguyên đơn. Xét mức cấp dưỡng chị U yêu cầu cấp dưỡng cho con chung là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại địa phương. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị U, cần giao con chung cho chị U nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng, các bên có quyền thăm **nom** con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016; bị đơn phải chịu nghĩa vụ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thu U đối với bị đơn anh Trần Đình H; chị Hoàng Thu U được ly hôn với anh Trần Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng Phương Nghi, sinh ngày 01/8/2020 cho chị Hoàng Thu U trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Hoàng Phương Nghi, sinh ngày 01/8/2020 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi thành niên, bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/6/2022).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thu U phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000193 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh Trần Đình H phải chịu 300.000đ án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã TN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình